

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ 30/06/2011	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2010)
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		224,471,623,320	201,153,939,146
	(100=110+120+130+140+150)				
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14,128,809,515	13,459,072,102
1	Tiền	111	V.01	5,128,809,515	7,659,072,102
2	Các khoản tương đương tiền	112		9,000,000,000	5,800,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111,290,766,898	128,444,240,935
1	Phải thu khách hàng	131		97,137,510,252	118,151,480,961
2	Trả trước cho người bán	132		12,885,525,880	8,603,651,929
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	-Vốn lưu động			-	-
	-Vốn cố định			-	-
	- Phải thu nội bộ khác			-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.03	1,267,730,766	1,689,108,045
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		88,096,473,460	52,088,946,978
1	Hàng tồn kho	141	V.04	88,096,473,460	52,088,946,978
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		10,955,573,447	7,161,679,131
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34,312,667	25,592,954
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,145,156,007	222,912,091
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158		9,776,104,773	6,913,174,086
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36,567,491,836	36,929,903,085
	(200=210+220+240+250+260)				
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		16,274,667,495	16,335,098,114
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11,479,467,495	11,723,898,114
	- Nguyên giá	222		17,583,110,530	16,759,028,167
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,103,643,035)	(5,035,130,053)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4,611,200,000	4,611,200,000
	- Nguyên giá	228		4,611,200,000	4,611,200,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	184,000,000	-
III	Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)	250		18,300,000,000	18,300,000,000
1	Đầu tư vào công ty con	251		10,300,000,000	10,300,000,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8,000,000,000	8,000,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		1,992,824,341	2,294,804,971
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,987,824,341	2,289,804,971
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		5,000,000	5,000,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		261,039,115,156	238,083,842,231

NGUỒN VỐN			SỐ CUỐI KỲ 30/06/2011	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2010)	
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	191,483,048,690	170,729,434,356	
I	Nợ ngắn hạn	310	186,620,913,823	164,651,360,201	
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	68,984,348,630	61,764,800,489
2	Phải trả người bán	312		53,736,757,630	59,542,656,908
3	Người mua trả tiền trước	313		28,669,883,460	15,234,267,801
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	5,419,842,452	6,746,499,997
5	Phải trả người lao động	315		5,558,594,910	6,735,349,564
6	Chi phí phải trả	316	V.17	14,698,260,966	8,607,639,027
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	9,296,645,009	6,060,850,165
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			256,580,766	(40,703,750)
II	Nợ dài hạn	330		4,862,134,867	6,078,074,155
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1,672,235,732	1,672,235,732
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	300,640,295	282,819,808
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	2,889,258,840	4,123,018,615
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	V.24	69,556,066,466	67,354,407,875
I	Vốn chủ sở hữu	410		69,556,066,466	67,354,407,875
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
	- Vốn cố định			-	-
	- Vốn lưu động			50,000,000,000	50,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		5,000,000,000	5,000,000,000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4,344,230,853	2,519,993,850
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		948,992,506	481,338,742
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9,262,843,107	9,353,075,283
	- Lợi nhuận năm trước			6,500,000,000	-
	- Lợi nhuận năm nay			2,762,843,107	9,353,075,283
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		261,039,115,156	238,083,842,231

Hà nội, ngày 20 tháng 07 năm 2011

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Văn Hiếu

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2011	QUÝ II/2010	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II/2011	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II/2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	63,389,192,677	68,840,379,782	80,614,814,889	129,015,398,834
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		63,389,192,677	68,840,379,782	80,614,814,889	129,015,398,834
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	48,349,842,229	59,371,364,538	63,058,733,183	110,513,627,724
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15,039,350,448	9,469,015,244	17,556,081,706	18,501,771,110
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	127,394,637	91,913,365	264,236,915	498,460,111
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	5,721,074,750	1,909,486,623	6,430,927,449	3,431,847,325
-	<i>Trong đó :Chi phí lãi vay</i>			<i>5,721,074,750</i>	<i>1,909,486,623</i>	<i>6,430,927,449</i>	<i>3,431,847,325</i>
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,849,858,647	4,627,197,283	7,701,022,389	8,405,338,205
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2,595,811,688	3,024,244,703	3,688,368,783	7,163,045,691
11	Thu nhập khác	31		116,468,222	-	116,468,222	3,181,818

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2011	QUÝ II/2010	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II/2011	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II/2010
12	Chi phí khác	32		59,067,590	37,317,269	69,950,845	37,846,005
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		57,400,632	(37,317,269)	46,517,377	(34,664,187)
14	Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,653,212,320	2,986,927,434	3,734,886,160	7,128,381,504
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	687,745,543	802,359,309	972,043,053	1,852,722,827
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1,965,466,777	2,184,568,125	2,762,843,107	5,275,658,677
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-		-	-
18.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		1,965,466,777	2,184,568,125	2,762,843,107	5,275,658,677
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		393	437	553	1,055

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2011

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐOÀN VĂN HIẾU

TRẦN THANH GIANG

LÊ VĂN TUẤN

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý II Năm 2011

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II NĂM 2011	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II NĂM 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	46,293,530,429	53,683,444,071
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-27,289,385,528	-15,067,054,248
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-7,229,853,942	-7,729,982,638
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-6,220,603,538	-988,598,781
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	0	-375,100,243
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	248,192,740,376	270,175,202,739
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-200,579,397,877	-272,924,674,888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53,167,029,920	26,773,236,012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	0	3,181,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	106,873,907	475,657,998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	106,873,907	478,839,816
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-52,604,166,414	-48,428,148,001
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-52,604,166,414	-48,428,148,001
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	669,737,413	-21,176,072,173
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13,459,072,102	34,151,962,410
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14,128,809,515	12,975,890,237

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Văn Hiếu

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, lắp đặt
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kv; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, buro điện; Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị; Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính .
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các đơn vị được tổng hợp báo cáo gồm:

- Văn Phòng Công ty
- Chi nhánh Sông Đà 11.1 Thăng Long
- Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long
- Chi nhánh Sông Đà 11.5 Thăng Long

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} & & \text{Lãi vay} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{phụ phí} & - & \text{quản lý} & - & \text{ước tính} \\ \text{đờ dang cuối kỳ} & & \text{đờ dang cuối kỳ} & & \text{tính trước} & & \text{(nếu có)} & & \text{ước tính} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có biên bản nghiệm thu A - B và được khách hàng chấp nhận, lập phiếu giá thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.164.866.438	1.100.930.892
Tiền gửi ngân hàng	1.963.943.077	6.322.566.748
Tiền đang chuyển	-	235.574.462
Các khoản tương đương tiền	<u>9.000.000.000</u>	<u>5.800.000.000</u>
Cộng	<u><u>14.128.809.515</u></u>	<u><u>13.459.072.102</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng dịch vụ xây dựng, lắp đặt	93.649.050.617	110.102.961.978
Khách hàng mua điện, nước và dịch vụ khác	3.488.459.635	8.048.518.983
Cộng	<u>87.477.239.432</u>	<u>118.151.480.961</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	9.572.809.677	6.200.300.911
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	3.312.716.203	2.403.351.018
Cộng	<u>12.885.525.880</u>	<u>8.603.651.929</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT phải thu nhân viên	193.824.010	79.665.955
Tiền lãi trái phiếu phải thu Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà	-	511.597.222
Tiền đền bù đã trả hộ cho dân chưa quyết toán với chủ đầu tư	366.893.290	513.992.521
Các khoản phải thu khác	707.013.466	583.852.347
Cộng	<u>1.267.730.766</u>	<u>1.689.108.045</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.893.841.308	3.445.931.997
Công cụ, dụng cụ	163.166.883	120.689.040
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	82.039.465.269	48.522.325.941
Cộng	<u>88.096.473.460</u>	<u>52.088.946.978</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ, CP chờ phân bổ.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước	34.312.667	25.592.954
Chi phí chờ phân bổ	-	-
Cộng	<u>34.312.667</u>	<u>25.592.954</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9.489.372.909	6.905.674.086
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	286.731.864	7.500.000
Cộng	<u>9.776.104.773</u>	<u>6.913.174.086</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.444.510.778	6.055.054.030	6.444.223.949	815.239.410	16.759.028.167
Tăng trong năm					
<i>Mua sắm mới</i>					
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>					
Giảm trong năm do thanh lý					
Số cuối kỳ	<u>3.699.063.505</u>	<u>6.555.067.666</u>	<u>6.444.223.949</u>	<u>884.755.410</u>	<u>17.583.110.530</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.368.439.528	279.268.409	14.178.536	1.661.886.473
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.481.703	2.590.102.541	2.243.500.381	190.045.428	5.035.130.053
Tăng trong năm do khấu hao	112.914.422	398.556.099	470.244.876	86.797.585	1.068.512.982
Giảm trong năm do thanh lý					
Số cuối năm	<u>124.396.125</u>	<u>2.988.658.640</u>	<u>2.713.745.257</u>	<u>276.843.013</u>	<u>6.103.643.035</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.433.029.075	3.464.951.489	4.200.723.568	625.193.982	11.723.898.114
Số cuối kỳ	<u>3.574.667.380</u>	<u>3.566.409.026</u>	<u>3.730.478.692</u>	<u>607.912.397</u>	<u>11.479.467.495</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá theo sổ sách lần lượt là: 4.496.098.879 VND đã được thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung; 948.501.273 VND đã được thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	218.181.818	92.516.000	287.697.818	23.000.000
XDCB dở dang Công trình trụ sở Công ty (*)	54.545.454	200.007.273	254.552.727	
San lấp mặt bằng xưởng (CNSĐ11.2TL)	-	161.000.000	-	161.000.000
Cộng	272.727.272	453.523.273	542.250.545	184.000.000

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Buông	785.000	10.300.000.000	785.000	10.300.000.000
Cộng		10.300.000.000		10.300.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5500378582 ngày 06 tháng 09 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 27.000.000.000 VND (2.700.000 CP), tương đương 45% vốn điều lệ. Đến ngày 31/03/2011, Công ty đã đầu tư 10.300.000.000 VND, tương đương mệnh giá 785.000 CP, Công ty còn phải đầu tư : 1.915.000 CP.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (*)	5.000	5.000.000.000	5.000	5.000.000.000
Đầu tư Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Cộng		8.000.000.000		8.000.000.000

(*) Trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (SDFC) đáo hạn ngày 25 tháng 12 năm 2012, lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 9,5%/ năm, các năm sau lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng thương mại lớn được công bố tại sở giao dịch (BIDV, Vietinbank, Agribank, Vietcombank) vào thời điểm SDFC thực hiện trả lãi cộng 2,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ dụng cụ	524.546.552	16.043.635	216.018.089	324.571.378
Thương hiệu Sông Đà	1.137.500.000		75.000.000	1.062.500.000
Lợi thế thương mại	568.750.000		37.500.000	531.250.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	59.008.419	10.494.544		69.502.963
Cộng	2.289.804.971	14.225.455	170.615.648	1.987.824.341

13. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	56.819.054.227	52.754.987.139
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (a)	29.096.610.789	32.650.522.205
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (b)	14.822.526.475	20.104.464.934
- Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Láng Hạ (c)	12.899.916.963	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác là khoản vay Công ty Cổ phần tài chính Sông Đà (c)	11.678.699.671	8.036.623.886
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh V.22)	486.594.732	973.189.464
Cộng	68.984.348.630	61.764.800.489

(a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và tài trợ thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc duy trì giá trị các khoản phải thu tối thiểu là 60.000.000.000 VND.

(c) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo lãi suất không vượt quá lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng uy tín và năng lực của bên vay, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác....

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.754.987.139	48.631.609.616	-	44.567.542.528	56.819.054.227
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	8.036.623.886	11.678.699.671	-	8.036.623.886	11.678.699.671
Vay dài hạn đến hạn trả	973.189.464		-	486.594.732	486.594.732
Cộng	61.764.800.489	60.310.309.287	-	53.090.761.146	68.984.348.630

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	15.754.266.960	23.969.149.303
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	37.982.490.670	35.573.507.605
Cộng	53.736.757.630	59.542.656.908

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khối lượng xây dựng, lắp đặt	28.644.478.845	15.034.284.415
Tiền mua điện, nước và dịch vụ khác	25.404.615	199.983.386
Cộng	28.669.883.460	15.234.267.801

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản nộp	Số cha nộp năm trước chuyển sang (01/01/2011)	Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Số phải nộp đến 30/06/2011
		Quý II/2011	Lũy kế	Quý II/2011	Lũy kế	
2	3	4	5	6	7	8=3+5-7
Các khoản thuế	6.746.499.997	2.259.026.739	3.137.621.592	29.988.546	4.464.279.137	5.419.842.452
Thuế giá trị gia tăng	4.388.721.467	1.526.275.149	2.060.348.123	7.271.396	4.440.561.987	2.008.507.603
Thuế xuất nhập khẩu	0	0	0	0	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200.936.551	687.745.543	972.043.053	0	0	3.172.979.604
Thuế thu nhập cá nhân	156.841.979	11.938.423	71.162.792	17.717.150	17.717.150	210.287.621
Thuế môn bài	0	6.000.000	6.000.000	5.000.000	5.000.000	1.000.000
Thu trên vốn						0
Thuế khác	0	27.067.624	28.067.624	0	1.000.000	27.067.624

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.734.886.160
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	55.516.201
- Các khoản điều chỉnh tăng	55.516.201
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	33.539.114
Thuế bị phạt, bị truy thu	-
Tiền phạt do vi phạm luật giao thông	14.500.000
Thù lao TV HĐQT không điều hành sản xuất	83.420.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	3.888.172.210
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	3.888.172.210
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	972.043.053
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	972.043.053
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	972.043.053

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	210.323.911	225.754.200
Chi phí vận chuyển	74.272.727	74.272.727
Chi phí thuê nhà	177.000.000	48.000.000
Trích trước tiền điện	0	61.090.775
Khối lượng xây lắp tạm tính	14.178.149.832	8.032.836.072
Chi phí nguyên vật liệu	58.514.496	165.685.253
Cộng	14.698.260.966	8.607.639.027

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp	1.494.602.292	839.253.568
Kinh phí công đoàn	739.845.671	503.182.780
Tiền cổ tức phải trả cho các cổ đông	315.000.000	315.000.000
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình hoặc chỉ quá tạm ứng chưa trả	2.902.564.541	2.144.645.919
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù	70.154.128	601.875.561

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
(chưa quyết toán)		
Phải trả phải nộp khác	3.774.478.377	1.656.892.337
Cộng	9.296.645.009	6.060.850.165

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(40.703.750)	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	561.184.516	405.996.250
Tăng khác		200.000
Chi quỹ trong năm	263.900.000	(446.900.000)
Số cuối năm	256.580.766	(40.703.750)

21. Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay dài hạn các ngân hàng gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	1.208.432.460	1.208.432.460
- Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ^(a)	587.686.797	587.686.797
- Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ^(b)	620.745.663	620.745.663
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (Hợp đồng tín dụng số 207-01.07.10/HDTDTDH/TPB.HN ^(c))	463.803.272	463.803.272
Cộng	1.672.235.732	1.672.235.732

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Quang Trung hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Quang Trung hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Hà Nội hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”, giá trị tài sản tạm tính: 948.501.273 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	1.672.235.732	1.672.235.732
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>1.672.235.732</u>	<u>1.672.235.732</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	1.208.432.460				1.208.432.460
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	463.803.272				463.803.272
Cộng	<u>1.672.235.732</u>				<u>1.672.235.732</u>

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	282.819.808	188.875.627
Số trích lập bổ sung	17.820.487	93.944.181
Số đã chi trong năm	-	-
Số cuối kỳ	<u>300.640.295</u>	<u>282.819.808</u>

23. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ xây dựng, lắp đặt	2.889.258.840	4.123.018.615
Cộng	<u>2.889.258.840</u>	<u>4.123.018.615</u>

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	5.000.000.000	859.710.318	142.530.019	8.271.138.505	64.273.378.842
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	1.660.283.532	338.808.723	(2.405.088.505)	(405.996.250)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.353.075.283	9.353.075.283
Chia cổ tức năm 2008, 2009	-	-	-	-	(5.866.050.000)	(5.866.050.000)
Số dư cuối năm trước	<u>50.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>2.519.993.850</u>	<u>481.338.742</u>	<u>9.353.075.283</u>	<u>67.354.407.875</u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	2.519.993.850	481.338.742	9.353.075.283	67.354.407.875

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	1.824.237.003	467.653.764	(2.853.075.283)	(561.184.516)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.762.843.107	2.762.843.107
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	4.344.230.853	948.992.506	9.262.843.107	69.556.066.466

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	55.000.000.000	55.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	-	5.551.050.000
Cộng	-	5.551.050.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Doanh thu kinh doanh điện	5.620.803.653	2.692.512.593
Doanh thu bán vật tư	117.428.738	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.727.662.667	16.429.345.696
Doanh thu hoạt động xây dựng	70.148.919.831	109.893.540.545
Cộng	80.614.814.889	129.015.398.834

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II Năm nay</u>	<u>Quý II Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh điện	4.884.114.280	2.239.148.826
Giá vốn bán vật tư	113.185.317	
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.077.884.760	11.859.494.058
Giá vốn hoạt động xây dựng	55.983.548.826	96.414.984.840
Cộng	63.058.733.183	110.513.627.724

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II Năm nay</u>	<u>Quý II Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	107.034.091	498.460.111
Lãi bán hàng trả chậm	157.202.824	-
Cộng	264.236.915	498.460.111

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II Năm nay</u>	<u>Quý II Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.052.605.352	4.309.400.495
Chi phí vật liệu quản lý	310.667.896	515.449.755
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.670.737	297.407.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	237.322.663	391.841.943
Thuế, phí và lệ phí	18.550.067	161.382.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.290.149	1.297.347.900
Chi phí bằng tiền khác	702.806.112	1.432.507.635
Cộng	3.833.912.976	8.405.338.205

6. Thu nhập khác

	<u>Quý II Năm nay</u>	<u>Quý II Năm trước</u>
Thu tiền điện, phí bảo lãnh các Công ty	116.468.222	0
Cộng	116.468.222	3.181.818

7. Chi phí khác

	<u>Quý II Năm nay</u>	<u>Quý II Năm trước</u>
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	33.623.909	528.736
Tiền phạt do vi phạm hành chính	14.500.000	
Tiền phạt thuế	21.826.936	
Cộng	69.950.845	528.736

8. Thuyết minh phần lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế Quý 2/2011 chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu của Công ty lũy kế Quý II năm 2011 so với lũy kế Quý II năm 2010 giảm 37,5% và lợi nhuận sau thuế lũy kế Quý II năm 2011 so với cùng kỳ năm 2010 giảm 47,6%, nguyên nhân là do: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, thời gian luân chuyển kéo dài vòng quay vốn chậm do vậy chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng giá thành thường rất cao... Trong năm 2011 nền kinh tế thế giới đang trong thời kỳ khủng hoảng, nền kinh tế Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn với tình hình lạm phát tăng cao, nhập siêu lớn... nhằm kiềm chế lạm phát Nhà nước thực hiện hàng loạt các chính sách quản lý vĩ mô như thực hành tiết kiệm, thắt chặt tiền tệ... Với việc thắt chặt tiền tệ của Nhà nước một số chủ đầu tư không tiếp cận được vốn vay nên không có vốn đầu tư hoặc thiếu vốn đầu tư, mặt khác các doanh nghiệp thiếu vốn, huy động vốn khó khăn, chi phí lãi vay tăng cao một số khoản vay chi phí lên tới 24% cùng với việc chi phí đầu vào tăng làm cho hiệu quả kinh SXKD bị ảnh hưởng. Do vậy, trong Quý I và Quý II năm 2011 Doanh thu và lợi nhuận của Công ty rất thấp so với cùng kỳ do Công ty ký và thi công một số dự án chưa có vốn. Công ty tìm kiếm các hợp đồng thi công mà chủ đầu tư có vốn và tập chung đẩy mạnh thi công các công trình mà chủ đầu tư có vốn nhằm hoàn thiện hồ sơ thanh toán, thu tiền về trong Quý III và Quý IV năm 2011 để tăng hiệu quả SXKD và bù đắp doanh thu và lợi nhuận của 06 tháng đầu năm 2011.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành	300.000.000	100.000.000
Cộng nợ phải thu	300.000.000	100.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
(1) Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
<i>Giao dịch bán hàng</i>		
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	10.362.029.029	29.128.125.924
Thuế GTGT	1.036.202.902	2.912.812.591
Khối lượng Bê tông cung cấp	-	3.421.615.533
Thuế GTGT	-	342.161.554
Bán TSCĐ cho Công ty Sông Đà 11	-	401.636.364
Thuế GTGT	-	40.163.636
<i>Giao dịch mua hàng</i>		
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	-	3.421.615.533

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế GTGT	-	342.161.553
Tiền phí bảo lãnh	285.821.989	136.830.487
Thuế GTGT	-	10.802.106
<i>Giao dịch khác</i>		
Tiền cổ tức năm 2008 và 2009 phải trả công ty mẹ	-	3.035.000.000
Thanh toán tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	506.193.759
Thanh toán tiền vay vốn lưu động	-	300.000.000
(2) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
<i>Giao dịch bán hàng</i>		
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	-	582.896.780
Thuế GTGT	-	58.289.678
<i>Giao dịch khác</i>		
Bù trừ công nợ	-	101.889.893
Góp vốn điều lệ	-	-
(3) Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông		
Góp vốn trong năm	-	1.500.000.000
<i>Giao dịch bán hàng</i>		
Tiền điện thực hiện trong kỳ	4.725.859	
Thuế GTGT	472.586	
Tại ngày 30/06/2011 công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	20.330.109.845	22.554.315.399
Kỹ quỹ, ký cược		-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	439.053.882	75.032.465
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông</i>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	5.198.445	
Cộng nợ phải thu	20.774.362.172	22.629.347.864
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i>		
Vay không tính lãi		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	4.479.857.953	5.420.984.561
Phải trả tiền khối lượng	396.203.902	690.565.674
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>		
Phải trả tiền mua vật tư	-	-
Cộng nợ phải trả	4.876.061.855	6.111.550.235

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Văn Hiếu

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn